

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dư Thị Út

2. Bà Khuru Liên Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2025/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Tiêu Thị Cẩm T, sinh năm 1984. Địa chỉ: B, khóm T, phường B, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: Số B, đường N, khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau.

* Bị đơn: Anh Lâm D, sinh năm 1984. Địa chỉ: B, khóm T, phường B, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: Số B, đường N, khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau.

(Chị T và anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng tại Toà, chị Tiêu Thị Cẩm T là nguyên đơn trong vụ án trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh D tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2009, có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 17/12/2010 tại UBND phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là UBND phường B, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh D thường xuyên

ra ngoài nhậu nhẹt về nhà gây chuyện chửi mắng chị. Đồng thời do anh chị không phù hợp tính tình nên thường xuyên xảy ra cãi vã, gây gổ với nhau. Xét thấy cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Anh chị có 04 con chung tên: Lâm Hồng A, sinh ngày 08/3/2010, Lâm Ngọc H, sinh ngày 08/3/2012, Lâm Ngọc Á, sinh ngày 19/01/2015 và Lâm M, sinh ngày 28/3/2016. Hiện nay các con đang sống với chị T và anh D. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cả 04 con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn anh Lâm D trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị T và anh D tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2009, có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 17/12/2010 tại UBND phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là UBND phường B, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do không phù hợp tính tính, thường xuyên xảy ra cự cãi, gây gổ với nhau. Thời điểm sau này, trong việc làm ăn có nhiều thuận lợi thì chị T có thái độ xem thường, không tôn trọng mẹ anh D. Đó cũng là nguyên nhân khiến vợ chồng phát sinh thêm mâu thuẫn. Xét thấy cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, chị T yêu cầu ly hôn thì anh D đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 04 con chung tên: Lâm Hồng A, sinh ngày 08/3/2010, Lâm Ngọc H, sinh ngày 08/3/2012, Lâm Ngọc Á, sinh ngày 19/01/2015 và Lâm M, sinh ngày 28/3/2016. Hiện nay các con đang sống với chị T và anh D. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cả 04 con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh D cấp dưỡng thì anh D đồng ý và không có ý kiến gì khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tiêu Thị Cẩm T và anh Lâm D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lâm Hồng A, sinh ngày 08/3/2010, Lâm Ngọc H, sinh ngày 08/3/2012, Lâm Ngọc Á, sinh ngày 19/01/2015 và Lâm M, sinh ngày

28/3/2016 cho chị Tiêu Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Anh Lâm D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Anh Lâm D không phải cấp dưỡng cho con chung do chị T không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tiêu Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Tiêu Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lâm D. Anh D có nơi cư trú tại phường B, tỉnh Cà Mau. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2002/QH12 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ việc này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – tỉnh Cà Mau.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Chị T1 và anh D có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị Tiêu Thị Cẩm T và anh Lâm D tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 17/12/2010 tại UBND phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau) là có xảy ra trên thực tế nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[4] Chị T xác định: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc anh D thường xuyên ra ngoài nhậu nhẹt về nhà gây chuyện chửi mắng chị. Đồng thời do anh chị không phù hợp tính tình nên thường xuyên xảy ra cãi vã, gây gổ với nhau. Về phía anh D xác định anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do không phù hợp tính tính, thường xuyên xảy ra cự cãi, gây gổ với nhau. Thời điểm sau này, trong việc làm ăn có nhiều thuận lợi thì chị T có thái độ xem thường, không tôn trọng mẹ anh D. Đó cũng là nguyên nhân khiến vợ chồng phát sinh thêm mâu thuẫn.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, gắn bó, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và phải cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình. Xét thấy chị T và anh D phát sinh mâu thuẫn trong một thời gian dài nhưng vẫn không thể giải quyết được, dẫn đến việc chị T nộp đơn yêu cầu ly hôn. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, anh D cũng xác định cuộc sống gia đình không

có hạnh phúc, chị T yêu cầu ly hôn thì anh D đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử có cơ sở ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh D.

[6] Về con chung: Chị T và anh D có 04 con chung tên: Lâm Hồng A, sinh ngày 08/3/2010, Lâm Ngọc H, sinh ngày 08/3/2012, Lâm Ngọc Á, sinh ngày 19/01/2015 và Lâm M, sinh ngày 28/3/2016. Hiện nay các con đang sống với chị T và anh D. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cả 04 con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh D cấp dưỡng thì anh D đồng ý và không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử có cơ sở giao cháu Lâm Hồng A, sinh ngày 08/3/2010, Lâm Ngọc H, sinh ngày 08/3/2012, Lâm Ngọc Á, sinh ngày 19/01/2015 và Lâm M, sinh ngày 28/3/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Anh D không phải cấp dưỡng cho con chung do chị T không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tiêu Thị Cẩm T và anh Lâm D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lâm Hồng A, sinh ngày 08/3/2010, Lâm Ngọc H, sinh ngày 08/3/2012, Lâm Ngọc Á, sinh ngày 19/01/2015 và Lâm M, sinh ngày 28/3/2016 cho chị Tiêu Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục

sau khi ly hôn. Anh Lâm D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Anh Lâm D không phải cấp dưỡng cho con chung do chị T không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tiêu Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số **0011154 ngày 21/7/2025** tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 6 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

Trần Bích Ngọc